

Bản án số: 1029/2024/DS-ST
Ngày: 16 - 12 - 2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Điệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Mây;

Bà Nguyễn Thị Thu Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thiện Quang là Thư ký Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2024, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 592/2023/TLST-DS ngày 24 tháng 10 năm 2023 về: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1735/2024/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 10 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1800/2024/QĐST-DS ngày 18 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S; Trụ sở: Số B N, Phường H, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Trọng N ông Trương Đậu Việt H - Chức vụ: Chuyên viên Chi nhánh Q, Ngân hàng TMCP S - là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 44/2024/UQ-CNQ12 ngày 05 tháng 01 năm 2024).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Thành L; Địa chỉ: 2 Quốc lộ A, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các đương sự cùng vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP S và quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 28/9/2019, ông Nguyễn Thành L có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp Thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông Nguyễn Thành L, Ngân hàng đã đồng ý cấp Thẻ tín dụng hạn mức sử dụng là

20.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông Nguyễn Thành L đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 127.202.270 đồng. Trong quá trình sử dụng Thẻ tín dụng, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông Nguyễn Thành L đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 105.697.000 đồng (chi tiết các lần thanh toán trong bảng sao kê tóm tắt đính kèm). Tổng số tiền trên được thanh toán theo điều 21 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng của Ngân hàng. Do ông Nguyễn Thành L vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 18 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), Ngân hàng nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông Nguyễn Thành L vẫn không có thiện chí trả nợ nên từ ngày 22/3/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng Thẻ tín dụng và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 24 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng Thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ là 21.505.270 đồng làm nợ gốc và tính lãi hàng tháng trên dư nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại, lãi suất trong hạn là 33.2%/năm x 150%= 49,8%/năm lãi quá hạn).

Ngân hàng đã yêu cầu ông Nguyễn Thành L có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để ông Nguyễn Thành L trả nợ, tuy nhiên ông Nguyễn Thành L vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký.

Nay, Ngân hàng TMCP S yêu cầu cá nhân ông Nguyễn Thành L phải trả ngay một lần cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày xét xử 16/12/2024 là 40.391.440 đồng (Bằng chữ: Bốn mươi triệu, ba trăm chín mươi một nghìn, bốn trăm bốn mươi đồng), trong đó: Nợ gốc: 21.505.270 đồng; Lãi quá hạn: 18.886.170 đồng. Ngoài ra, ông Nguyễn Thành L còn phải thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 17/12/2024 cho đến khi trả hết số nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Về nơi cư trú hiện nay của bị đơn thì ngoài địa chỉ 2210/71 Quốc lộ A, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh mà bị đơn đã cung cấp là nơi bị đơn thường trú khi ký kết và thực hiện hợp đồng. Bị đơn thay đổi nơi cư trú nhưng không thông báo cho Ngân hàng TMCP S nên nguyên đơn không biết hiện nay bị đơn đang thực tế cư trú ở đâu. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo địa chỉ 2210/71 Quốc lộ A, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh mà bị đơn đã cung cấp.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Thành L đã được Tòa án tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và triệu tập họp lệ nhưng vẫn không có mặt tại Tòa án để làm bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông L.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn là ông Nguyễn Trọng N1 và ông Trương Đậu Việt H vắng mặt, cùng có đơn xin vắng mặt, đã có bản tự khai phù hợp với đơn khởi kiện và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn là ông Nguyễn Thành L được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12 tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xác minh, thu thập chứng cứ; cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng; quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát đúng thời hạn; chưa đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và

Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định về nội quy phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bị đơn trả số tiền còn nợ đến ngày 16/12/2024 là 40.391.440 đồng, trong đó: Nợ gốc: 21.505.270 đồng; Lãi quá hạn: 18.886.170 đồng. Ngoài ra, bị đơn còn phải thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 17/12/2024 cho đến khi trả hết số nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ hồ sơ vụ án thể hiện ông Nguyễn Thành L có giao kết hợp đồng tín dụng (theo “Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng” ký ngày 28/9/2019 với Ngân hàng TMCP S và được Ngân hàng phê duyệt vào cùng ngày). Do phía ông L vi phạm nghĩa vụ hợp đồng nên xảy ra tranh chấp. Vì vậy, có cơ sở xác định đây là vụ án dân sự về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Theo kết quả xác minh của Công an phường T, Quận A thì ông Nguyễn Thành L có hộ khẩu thường trú tại 2 Quốc lộ A, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng thực tế cư ngụ tại địa chỉ A, Tổ B, Khu phố B, phường D, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo kết quả xác minh của Công an phường D, Quận A thì không có người tên Nguyễn Thành L cư ngụ tại địa chỉ trên. Xét thấy, tại thời điểm ký kết “Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng” ngày 28/9/2019 với Ngân hàng, thì hộ khẩu thường trú của bị đơn tại số B Quốc lộ A, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh do bị đơn cung cấp. Nguyên đơn không biết địa chỉ nào khác của bị đơn, nên căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 5 và khoản 1 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, có cơ sở xác định đơn khởi kiện của nguyên đơn đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của bị đơn mà người khởi kiện biết được gần nhất, tính đến thời điểm khởi kiện và được cơ quan có thẩm quyền cấp, xác nhận. Căn cứ điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân Tối cao thì việc ông Nguyễn Thành L thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong hợp đồng tín dụng đã ký mà không thông báo cho Ngân hàng biết về nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40 Bộ luật Dân sự 2015 được coi là cố tình giấu địa chỉ, nên xác định bị đơn có nơi cư trú cuối cùng tại địa chỉ 2 Quốc lộ A, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, và điểm a khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về sự vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn là Ngân hàng TMCP S do ông Nguyễn Trọng N1 và ông Trương Đậu Việt H là người đại diện theo ủy quyền vắng mặt, cùng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, ông Nguyễn Thành L đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không có lời khai và các tài liệu, chứng cứ giao nộp cho Tòa án để thể hiện sự phản đối yêu cầu của

nguyên đơn. Như vậy, ông Nguyễn Thành L đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự và lấy yêu cầu khởi kiện, lời khai của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả số tiền nợ gốc của thẻ tín dụng tính đến ngày xét xử sơ thẩm 16/12/2024 là 21.505.270 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định, ngày 28/9/2019 ông Nguyễn Thành L có ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng S1 số thẻ 472074-9912 (gọi tắt là thẻ tín dụng) với Ngân hàng TMCP S (theo “Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng”, được Ngân hàng phê duyệt cùng ngày với hạn mức sử dụng là 20.000.000 đồng để tiêu dùng cá nhân. Theo Điều 18 của bản “Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S”, bản tóm tắt sao kê ngày 16/12/2024 do nguyên đơn cung cấp, thể hiện bị đơn đã nhận được thẻ và đã phát sinh giao dịch lần đầu vào ngày 22/10/2019. Trong quá trình sử dụng thẻ, ông L đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 127.202.270 đồng và đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền là 105.697.000 đồng thì ngưng nên đến hiện tại, ông L còn nợ số tiền gốc là 21.505.270 đồng. Do bị đơn không thanh toán đầy đủ cho Ngân hàng là đã vi phạm thỏa thuận hợp đồng được quy định tại Điều 18 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, nên căn cứ vào Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, Ngân hàng có quyền chấm dứt việc sử dụng thẻ và buộc bị đơn phải trả nợ là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về tiền lãi: Theo thỏa thuận của hợp đồng thì ông L phải thanh toán cho Ngân hàng nợ gốc và lãi theo cách tính lãi quy định tại Điều 23 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng nhưng ông L không thực hiện nên Ngân hàng thông báo thu hồi nợ và chuyển toàn bộ số tiền nợ còn lại thành nợ quá hạn và tính lãi theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Tiền lãi phát sinh tính đến ngày xét xử sơ thẩm 16/12/2024 là 18.886.170 đồng theo bảng Tóm tắt sao kê của nguyên đơn cung cấp là có cơ sở và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Xét việc bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả toàn bộ số nợ trên một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở.

[7] Về yêu cầu bị đơn tiếp tục trả tiền lãi phát sinh từ ngày 17/12/2024 là ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả hết số nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng. Xét thấy yêu cầu này của nguyên đơn là phù hợp quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12 về việc giải quyết vụ án là có cơ sở và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Từ những nhận định, đánh giá như trên, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn ông Nguyễn Thành L phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền còn nợ gồm gốc và lãi quá hạn của thẻ tín dụng S1 theo “Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng” được Ngân hàng TMCP S phê duyệt ngày 28/9/2019.

[10] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho nguyên số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn.

[11] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 40; khoản 2 và khoản 4 Điều 91; khoản 2 Điều 92; điểm e khoản 1 Điều 192; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 40, Điều 385, Điều 401, Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S:

1.1. Buộc ông Nguyễn Thành L có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền nợ tính đến ngày 16/12/2024 phát sinh từ thẻ tín dụng S1 số thẻ 472074-9912 theo “Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng” được Ngân hàng TMCP S phê duyệt ngày 28/9/2019 là 40.391.440 đồng (Bốn mươi triệu, ba trăm chín mươi một nghìn, bốn trăm bốn mươi đồng), trong đó: Nợ gốc: 21.505.270 đồng (Hai mươi một triệu, năm trăm lẻ năm nghìn, hai trăm bảy mươi đồng); Lãi quá hạn: 18.886.170 đồng (Mười tám triệu, tám trăm tám mươi sáu nghìn, một trăm bảy mươi đồng). Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật;

1.2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Nguyễn Thành L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ thì lãi suất mà ông Nguyễn Thành L phải thanh toán cho nguyên đơn cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của bên cho vay.

2. Về án phí:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm là 2.019.572 đồng (Hai triệu, không trăm mười chín nghìn, năm trăm bảy mươi hai đồng) do ông Nguyễn Thành L chịu;

2.2. Trả lại cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 677.419 đồng (Sáu trăm bảy mươi bảy nghìn, bốn trăm mười chín đồng) theo Biên lai thu số 0030879 ngày 24 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt

khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND TP.Hồ Chí Minh;
- Viện KSND Quận 12;
- Chi cục THADS Quận 12;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Điệp

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Điệp